

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

1. 01 (một) xe tải ben - Hoa mai mang BKS: 11LD-0004, giấy tờ tài sản số 0001301 do Công an Cao Bằng cấp ngày 08/3/2008; Đặc điểm kỹ thuật: màu xanh, dung tích: 4214, sản xuất năm 2008. Tại thời điểm kê biên xe không khởi động được, không có gương chiếu hậu bên trái, hệ thống đèn tín hiệu toàn bộ đã vỡ hỏng, hệ thống thân vỏ mục, mọt, han gỉ, bong tróc, hệ thống điều khiển trong cabin cũ hỏng, không còn nguyên vẹn, hệ thống lốp còn đầy đủ nhưng không hoạt động trong thời gian dài nên không còn đảm bảo yếu tố kỹ thuật. Không kiểm tra được số khung, số máy.

2. 01 (một) xe tải ben - Hoa mai mang BKS: 11LD-0003, giấy tờ tài sản số 0001321 do Công an Cao Bằng cấp ngày 08/3/2008; Đặc điểm kỹ thuật: màu xanh, dung tích: 4214, sản xuất năm 2008. Tại thời điểm kê biên xe đã xuống cấp trầm trọng, một số bộ phận đã bị tháo không còn nguyên vẹn như: mặt máy động cơ, trục láp cầu sau, trục các đăng, xe không có ắc quy, không có gương chiếu hậu trái phải, hệ thống đèn tín hiệu toàn bộ bị vỡ, hỏng. Hệ thống khung gầm, thân vỏ mục nát, han gỉ, bong tróc nhiều chỗ, hệ thống điều khiển trong cabin cũ nát, không còn nguyên vẹn. Hệ thống lốp đã cũ, không đảm bảo yếu tố kỹ thuật. Không kiểm tra được số khung, số máy.

3. Máy xúc lật thứ nhất: Máy xúc lật bánh lốp Nhãn hiệu LiuGong ZL50C; Xuất xứ: Trung Quốc; khối lượng hoạt động 16500kg; Công suất tải định mức 5000kg; Công suất 162kW; Số seri 064005; Sản xuất năm 2006 tại thời điểm kê biên không khởi động được động cơ. Hiện trạng đã xuống cấp hư hỏng nhiều chỗ. Bánh trước bên phải bị tháo rời; Gầu xúc han gỉ, mục thủng nhiều chỗ, thân vỏ han gỉ nhiều chỗ; các hệ thống điều khiển trong buồng lái đã cũ, xuống cấp, đã hỏng; các bộ phận còn lại đã cũ, xuống cấp.

4. Máy xúc lật thứ hai: Máy xúc lật bánh lốp Nhãn hiệu LiuGong ZL50C; Xuất xứ: Trung Quốc; khối lượng hoạt động 16500kg; Công suất tải định mức 5000kg; Công suất 162kW; Số seri 115207; Sản xuất năm 2008 tại thời điểm kê biên không khởi động được động cơ; các bộ phận, chi tiết của máy xúc cũ,

xuống cấp, thân vỏ han gỉ nhiều chỗ, gàu xúc han gỉ; hệ thống điều khiển trong buồng lái đã cũ, hỏng; hệ thống lốp cũ, mòn.

Tại thời điểm kê biên do không khởi động được động cơ và hệ thống điện trên 02 xe tải và 02 máy xúc lật nêu trên nên không đánh giá được tính năng vận hành.

5. Cân 80 tấn: Không xác định được năm sản xuất, mặt cân bằng thép, kích thước 3.5x15m, hàng rào chắn thép, bề mặt cân có dấu hiệu han gỉ hàng rào thép han gỉ, bong tróc sơn. Lắp đặt và đưa vào sử dụng năm 2008. Tài sản để lâu không sử dụng. Không kiểm tra được tình trạng hoạt động.

6. Trạm biến áp xây dựng và thiết bị máy biến áp: Bao gồm 02 cột điện, máy biến áp và hệ thống tường bao. Tường gạch cao 40cm bao quanh máy biến áp, được xây đơn giản ở góc sân, máy biến áp là trạm treo 400KVA một số chi tiết bằng sắt thép đã có dấu hiệu hoen gỉ. Tại thời điểm kê biên do nhà máy đã dừng hoạt động nên đã cắt điện từ lâu, không kiểm tra được tình trạng vận hành.

7. Trạm trung chuyển và băng tải: Trạm trung chuyển xây bằng gạch thô, băng tải bằng cao su lưu hóa, kích thước băng tải rộng 80cm, dài 100m, băng tải nối qua các trạm trung chuyển có lợp mái tôn, có hệ thống vận hành điện, 02 vỏ tủ điện bằng sắt, kích thước 40x140x170cm, hệ thống băng tải không kiểm tra được tình trạng vận hành. Tại thời điểm kê biên băng tải đã hư hỏng, nứt rách, không còn nguyên vẹn; không còn hệ thống con lăn.

8. Hệ thống cấp điện ngoài nhà và chiếu sáng ngoài nhà: Bao gồm hệ thống dây dẫn và cột đèn, một số vị trí không còn có bóng đèn. Tại thời điểm kê biên do không có điện nên không kiểm tra được tình trạng hoạt động.

9. Công trình xi lô và đường ống: Hoàn thiện năm 2008, bao gồm: hệ thống xi lô thép và đường ống thép, chạy quanh khu sản xuất và các đầu ống, van, mặt bích thép và một số đường ống khác. Hệ thống kết nối với hệ thống bơm dầu cốc, hệ thống quạt gió. Hiện trạng: đường ống đã cũ, để ngoài trời. Tại thời điểm kê biên không kiểm tra được tình trạng vận hành và các chi tiết bên trong, hệ thống được lắp đặt trên cao, có giá đỡ và cột ống, được lắp đặt đồng bộ, chạy dài từ khu vực sản xuất đến đầu nhà bếp.

10. Hố nhận than thành phẩm: Là hầm bên dưới tháp làm lạnh, rộng 3.5m sâu 4m, có máng hứng vào băng tải lên tháp sắt để chảy vào xe nhận than thành phẩm, xây bằng gạch, trát vữa xi măng, đường dẫn xuống hố dốc đổ bê tông, có máng hứng bằng thép; Tại thời điểm kê biên có khung băng tải làm bằng thép đã han gỉ, không còn mô tơ, băng tải và con lăn. Tháp sắt làm bằng kim loại bên trên có các máng, sàng quay để phân loại cỡ hạt, tình trạng đã gỉ sét, xuống cấp; Bên trên hố nhận than thành phẩm có 1 hệ thống xe goòng làm bằng kim loại đã gỉ sét. Hệ thống xe goòng gồm thân, khung, bánh xe. Kích thước rộng khoảng 1,6m dài khoảng 10m.

11. Tháp nạp nguyên liệu: Năm hoàn thiện xây dựng 2008. Vị trí ở đầu lò luyện số 1. Kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không trát. Móng bê tông cốt thép, xây gạch không chát. Móng cao hơn so với mặt đất

khoảng 2m. Chiều cao từ móng lên mái khoảng 17m, được xây 4 tầng, kích thước 6.5x10m, bên trong có hệ thống phễu cấp liệu và thanh ray nối với lò luyện số 1 để cấp nạp nhiên liệu vào lò luyện số 1. Tháp nạp liệu kết nối với hệ thống băng tải cấp liệu và nối liền với lò luyện số 1 có hệ thống thanh ray chạy sang lò luyện số 1. Tại thời điểm kê biên không kiểm tra được tình trạng vận hành, không kiểm tra chi tiết bên trong. Hiện trạng: Lâu ngày không sử dụng, thành tháp rêu mốc, cỏ mọc um tùm quanh tháp.

12. Lò luyện số 1: Năm hoàn thiện xây dựng 2008. Vị trí liền kề với tháp nạp nguyên liệu. Lò khung thép hình, thành lò xây gạch chịu lửa. Móng lò bê tông cốt thép, cao so với mặt đất khoảng 2m. Lò dài 33m, rộng khoảng 7m, cao 5m. Trong lò có hệ thống thiết bị luyện than cốc, phía bên trên có các hệ thống bơm, van áp, xe cấp liệu (xe goòng) và hệ thống thanh ray nối liền với tháp nạp liệu để xe cấp liệu chạy từ đầu thân lò đến cuối thân lò. Hiện trạng: Lò dừng hoạt động từ lâu, thân lò rêu mốc, cỏ mọc bám quanh lò. Có hệ thống thiết bị lò luyện đồng bộ gắn liền thân lò, hệ thống đồng bộ được đánh số từ 1 đến 31 bằng sơn trắng, không kiểm tra hoạt động, không kiểm tra chi tiết.

13. Bể dầu cốc và bể điều tiết: Hoàn thiện năm 2008, vị trí cạnh tháp nạp nhiên liệu xây chìm dưới mặt đất có nắp đậy bê tông cốt thép phía trên. Bể khung bê tông cốt thép, đáy và thành bể xây gạch trát vữa xi măng, láng mịn. Bể có hệ thống đường ống bơm và thu hồi dầu cốc kết nối với xilo, tháp làm nguội dầu bằng hệ thống đường ống dẫn. Dung tích khoảng 1.800m³. Hiện trạng: bên dưới chứa nước, một số nắp đậy bê tông cốt thép bị bật ra, trong bể có tường ngăn xây gạch chia bể thành nhiều ô nhỏ.

14. Cầu vào nhà máy và đường dẫn: Cầu bắc qua suối từ đường quốc lộ vào nhà máy xây bằng bê tông cốt thép, hai bên cầu có lan can bằng sắt. Kích thước 6 x 30m.

15. Nhà bảo vệ số 1: Qua cầu bê tông nằm bên phải, kết cấu: nhà cấp 4 xây kiên cố kích thước 5x5m, trần bê tông cốt thép, mái tôn chống nóng. Móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa xi măng, lăn sơn, nền lát gạch 30x30cm, có 02 phòng vệ sinh riêng. Cửa sổ, cửa đi khung nhôm kính. hoàn thiện năm 2008. Hiện trạng: Nhà cũ, tường rêu mốc đã xuống cấp

16. Nhà bảo vệ số 2: ở đầu sân bên phải đường bê tông rẽ vào sân. Kết cấu: nhà cấp 4 xây kiên cố kích thước 3.5x3.5m, trần bê tông cốt thép, mái tôn chống nóng. Móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vữa xi măng, lăn sơn, nền lát gạch 30x30cm, cửa sổ, cửa đi khung nhôm kính. hoàn thiện năm 2008. Hiện trạng: Nhà cũ, tường rêu mốc đã xuống cấp.

17. Nhà ở công nhân 1: Nhà thứ hai bên trái từ cổng vào, tiếp giáp nhà để xe công nhân, xây dọc, lưng quay ra đường. Loại nhà: nhà xây cấp 4, 01 tầng, hoàn thiện năm 2008. Kết cấu: Móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch 220, trát vữa xi măng, lăn sơn, trần thạch cao, nền lát gạch men 30x30cm, cửa ra vào và cửa sổ nhôm kính (một số phòng cửa kính đã vỡ, một số không có cửa sau), mái tole. Bậc tam cấp xây gạch, láng xi măng. gồm có 07 phòng. Mỗi phòng có 01 phòng ngủ và 01 phòng vệ sinh khép kín, phần lớn các phòng vệ

sinh hiện nay không có thiết bị vệ sinh, một số phòng có thiết bị vệ sinh nhưng hư hỏng, không sử dụng được. Kích thước 25.4 x 9.3m. Hiện trạng tài sản: tường nhiều chỗ bong tróc, ẩm mốc và có khoan đục; mái tôn có tình trạng gỉ sét thủng dột, hệ thống trần thạch cao đã ẩm mốc, phòng rộp, bục nhiều chỗ.

18. Nhà ở công nhân 2: Nhà thứ 3 tiếp giáp đầu đầu vuông góc nhà ở công nhân 1, song song với nhà bếp. Loại nhà: nhà xây cấp 4, 01 tầng, hoàn thiện năm 2008. Kết cấu: Móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch 220, trát vữa xi măng, lãn sơn, trần thạch cao, nền lát gạch men 30x30cm, cửa ra vào và cửa sổ nhôm kính (một số phòng cửa kính đã vỡ, một số không có cửa sau), mái tole. Bậc tam cấp xây gạch, lãn xi măng. Gồm có 07 phòng, mỗi phòng có 01 phòng ngủ và 01 phòng vệ sinh khép kín, phần lớn các phòng vệ sinh hiện nay không có thiết bị vệ sinh, một số phòng có thiết bị vệ sinh nhưng hư hỏng, không sử dụng được. Kích thước 25.4 x 9.3m. Hiện trạng tài sản: hệ cửa nhôm kính nhiều phòng cũ hỏng, vỡ kính, tường nhiều chỗ bong tróc, ẩm mốc và có khoan đục; mái tôn có tình trạng gỉ sét thủng dột, hệ thống trần thạch cao đã ẩm mốc, phòng rộp, bục nhiều chỗ.

19. Nhà ăn + Bếp: Tiếp giáp nhà ở công nhân số 1, song song với nhà ở số 2 và đường bê tông vào nhà máy. Loại nhà: xây cấp 4, 01 tầng, kích thước 10x25m, hoàn thiện năm 2008. Kết cấu: Móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường gạch 220, trát vữa, lãn sơn, nền lát gạch ceramic 30x30cm, trần thạch cao, mái lợp tole chống nóng, cửa ra vào và cửa sổ nhôm kính. Tường phía ngoài một số chỗ ốp gạch thẻ. Bậc tam cấp xây gạch, ốp đá marble. Gồm 01 phòng bếp, 01 phòng ăn và 02 phòng vệ sinh. Hiện trạng: Nhà cũ, tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ, các thiết bị vệ sinh đã hư hỏng, xuống cấp.

20. Nhà ở chuyên gia: Nằm ở dãy bên trái thứ 3 từ cổng vào, tiếp giáp nhà bếp ăn, cửa nhìn ra sân. Kết cấu nhà xây cấp 4, 01 tầng, xây dựng năm 2008. Móng bê tông cốt thép, tường xây gạch 220 trát vữa, sơn trong ngoài, nền lát gạch men kích thước 30 x 30cm, trần thạch cao. Cửa ra vào, cửa sổ khung nhôm kính, mái lợp tôn. Dãy nhà gồm có 07 phòng, mỗi phòng có 01 phòng ngủ và 01 phòng vệ sinh khép kín (một số phòng không còn thiết bị vệ sinh, một số phòng còn thiết bị vệ sinh nhưng đã hư hỏng, xuống cấp, không sử dụng được). Kích thước nhà 25,2x9,7m. Hiện trạng nhà cũ, tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ, các thiết bị vệ sinh đều đã hư hỏng, xuống cấp.

21. Nhà y tế: Nằm ở vị trí nối tiếp nhà ở chuyên gia, nằm bên trái nhà điều hành. Kết cấu là nhà xây cấp 4, 01 tầng. Kích thước 7,4 x 13,2m, móng bê tông cốt thép, cột gạch, tường xây gạch trát vữa xi măng, sơn trong ngoài, lợp tôn chống nóng, khung xà gỗ, vì kèo thép, trần tấm thạch cao, nền lát gạch men kích thước 30 x 30cm, có phòng vệ sinh khép kín (các thiết bị vệ sinh đã hư hỏng xuống cấp), cửa ra vào bằng nhôm kính. Bậc tam cấp xây gạch lãn xi măng. Hoàn thiện năm 2008. Hiện trạng: nhà cũ, tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ.

22. Nhà để xe cán bộ: Vị trí tiếp giáp phòng y tế. Nhà mái tôn, khung sắt, vì kèo sắt, diện tích 10,8 x 7,3m.

23. Nhà để xe công nhân: Vị trí ngay cổng vào phía bên trái gần cầu, làm bằng khung sắt, mái lợp tôn, nền láng vữa, diện tích 13.5 x 6.1m. Khung sắt mái tôn đã hoen gỉ, xuống cấp.

24. Nhà điều hành: Là dãy nhà 02 tầng thẳng từ cổng vào. Hoàn thiện năm 2008. Kết cấu nhà cấp 4, 02 tầng. Móng, cột, sàn, trần bê tông cốt thép, cửa chính làm bằng 02 tấm kính lớn, các cửa sổ bằng kính khung inox. Có 01 sảnh chờ mái lợp tôn, vì kèo sắt, trần nhà đổ bê tông, cầu thang bê tông cốt thép trát vữa xi măng, ốp granite, lan can tay vịn inox, cửa đi lại bằng nhôm kính. Phần mái chính giữa nhà lợp mái ngói, bên trong đổ bê tông, chiều cao trần tầng 1 là 3,1m, Chiều cao trần tầng 2 là 2,8m, thông thủy phòng họp tầng 2 là 4,3m. Chiều dài ngang nhà là 29,5m, chiều rộng nhất là 12m, chiều rộng ngắn nhất là 8m, sảnh chờ tầng 1 có diện tích là 4,5 x 4,7m. Tường xây 220, sơn trong ngoài. Trần thạch cao (trần thạch cao đã hư hỏng, ẩm mốc, một số chỗ thủng dột), nền lát gạch men. Tầng 1 có 7 phòng chức năng, 03 phòng vệ sinh. Tầng 2 có 06 phòng chức năng, 04 phòng vệ sinh. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 600m².

25. Nhà thí nghiệm + nhà cân: hoàn thiện năm 2008. Nhà xây cấp 4, 01 tầng, cột gạch, mái lợp tôn, trần thạch cao, tường xây 220 trát vữa sơn trong ngoài, nền lát gạch kích thước 30 x 30cm. có 02 phòng riêng biệt. Cửa chính, cửa sổ khung nhôm kính, kích thước 19.6 x 5m. Hiện trạng: Tường có vết rạn nứt, rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ.

26. Phòng để máy phát điện: Nhà xây cấp 4, lợp tôn, tường xây gạch chỉ 220 trát vữa, sơn trong ngoài, trần thạch cao, nền lát gạch men kích thước 30x30cm. Cửa ra vào, cửa sổ khung nhôm kính. Thực tế bên trong không có máy phát điện, không có thiết bị hay phụ tùng gì. Diện tích xây dựng 12.3x5.1m. Phần lợp tôn, khung sắt bên ngoài là nơi để máy phát điện (thực tế không có máy phát điện) diện tích 5.1 x 7m. Xây dựng năm 2008. Hiện trạng tường rêu mốc, trần thạch cao bục nhiều chỗ

27. Tháp làm lạnh (nguội dầu): vị trí nằm gần trạm trung chuyển là công trình xây gạch không trát, móng bê tông cốt thép, cao 18m, kích thước 10 x 5.2m, không kiểm tra được chi tiết bên trong. Tháp có hệ thống đường ống kết nối thu hồi dầu cốc chuyển về bể dầu cốc. Hiện trạng: công trình cũ, tường rêu mốc, hoàn thiện năm 2008.

28. Xưởng than cốc và Phòng chế tác: Vị trí nằm cuối lò luyện số 2, tiếp giáp với tháp làm lạnh. Công trình hoàn thiện năm 2008. Loại nhà cấp 4, 03 tầng, kích thước 4 x 5,5m, cao khoảng 9,5m, xưởng than cốc nằm ở tầng 2, Phòng chế tác nằm ở tầng 3, Tầng dưới cùng là phòng chức năng điều khiển máy bơm (không có hệ thống điều khiển). Bên ngoài có lan can bằng sắt đã hoen gỉ. Kết cấu: khung móng bê tông cốt thép, cột gạch, nền bê tông, tường xây gạch không trát 20cm, bên ngoài có cầu thang sắt đi lên. Hiện trạng, tại thời điểm kê biên tường rêu mốc, có hiện tượng rạn nứt một số chỗ.

29. Phòng quạt gió (Xưởng làm nguội): vị trí tiếp giáp với hệ thống xi lô đường ống và ống nạp hóa chất. Nhà xây mái bằng trát vữa, sơn trong ngoài, cửa sổ, cửa đi khung nhôm kính, nền láng ximang, kích thước 18.7 x 7m. Hoàn thiện năm 2008, loại nhà xây cấp 4, 01 tầng, kết cấu: móng, khung, cột, mái bê tông cốt thép. Hiện trạng: công trình cũ, tường rêu mốc.

30. Tháp làm nguội than: Vị trí tiếp giáp với Xưởng than cốc và phòng chế tác. Xây gạch không trát, gạch chỉ 110, chiều cao 11.2m, diện tích 10 x 4.0m, bên dưới có hầm kết nối với băng tải nhận than (băng tải đã hoen gỉ nhiều chỗ, không vận hành). Xây dựng năm 2008.

31. Bể làm nguội than: Vị trí tiếp giáp với tháp làm nguội than. Xây chìm, có 03 ngăn, thành bể có một số chỗ đã bị vỡ, rêu mốc, không có nắp che. Hoàn thiện năm 2008. Bể xây gạch trát vữa xi măng láng mịn, bể rộng 5 x 13m.

32. Phòng cơ khí (kho + phân xưởng sửa chữa): Vị trí tiếp giáp với phòng quạt gió. Là nhà xây cấp 4, lợp tôn chống nóng, khung xà gồ, vì kèo thép, móng bê tông cốt thép, tường xây gạch trát vữa, sơn trong ngoài, nền láng xi măng, cửa nhôm kính. Kích thước 24.5 x 6.9m. Xây dựng năm 2008. Hiện trạng nhà cũ, tường rêu mốc.

33. Công trình ống khói: Xây bằng gạch chịu lửa, không trát, hiện trạng có vết nứt dài chạy dọc thân ống khói, đường kính ống khói 6m, cao 89m, công trình hoàn thiện năm 2008, móng bê tông cốt thép, công trình dạng ống và thu nhỏ dần khi lên cao, công trình đã cũ, rêu mốc.

34. Bể nước 800m³. Hoàn thiện năm 2008. Bể nổi, tường xây gạch cao khoảng 2m, bề rộng khoảng 15m, phía ngoài không trát, phía trong trát vữa xi măng láng mịn. Nền bể bê tông cốt thép, trát vữa xi măng láng mịn. Hiện trạng: mặt ngoài bể tường không trát, cũ, rêu mốc, xung quanh bể cỏ mọc um tùm. Bên trong bể chứa nước.

35. Sân nội bộ + đường nội bộ + đường dẫn: là phần mặt sân, mặt đường được tráng bê tông trong khuôn viên nhà máy, bao gồm mặt đường đường nối các khu vực, các khu nhà và mặt sân trong khuôn viên nhà máy. Diện tích mặt bê tông khoảng 24.245m² (phần tách rời với mặt đất).

36. Hệ thống rãnh thoát nước (bổ sung thêm): xây chìm, rộng khoảng 40cm, thoát nước thải và nước mưa quanh nhà xưởng, không có nắp đậy, đoạn chạy qua gần khu nhà có nắp đậy.

37. Bể lắng số 2 giữa sân: hoàn thiện năm 2008, nằm ở vị trí rìa sân, phía suối nước, được xây lấp chìm dưới đất, chứa nước và chất thải lắng đọng của nhà máy.

38. Tường rào bao quanh nhà máy: ngăn cách giữa sân và rìa suối, xây gạch hoa sắt, kết cấu: tường rào sắt, cột gạch, bước trụ 2m, dài khoảng 70m. Hiện trạng: phần gạch rêu mốc, rào sắt han rỉ.

39. Trạm cân (phần xây dựng): Là đường dẫn 2 đầu lên bàn cân, được đổ bê tông kiên cố. Kích thước dài 11.6m, rộng 3.3m, cao trung bình 30cm.

40. Bể nước sinh hoạt: Vị trí phía sau nhà điều hành, xây dựng, hoàn thiện năm 2008, bể xây nổi bằng gạch, trát vữa xi măng láng mịn. Nền bể bê tông cốt thép, trát vữa xi măng láng mịn.

41. Cấp nước ngoài nhà: Bao gồm hệ thống ống, van, giá đỡ, cấp nước cho toàn bộ nhà máy, và sinh hoạt của các khu nhà, hoàn thiện năm 2008.

42. Thoát nước ngoài nhà: Được xây dựng đồng bộ năm 2008, bao gồm hệ thống cống, máng, ống thoát nước từ khu vực sản xuất và sinh hoạt các khu nhà (phân tách rời với đất).

2. Giá khởi điểm: 28.943.277.000,đ (Hai mươi tám tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Sao Việt. Địa chỉ: Tầng 01 nhà chữ U, số 06 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng (nay là phường Hai Bà Trưng), thành phố Hà Nội. Tổng số điểm: 95 điểm.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản 1	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản 2	Tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản 3
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Công ty đấu giá hợp danh Sao Việt	Không	Không
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện		
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0		
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0		
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0		
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0		
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0		
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài	2,0		

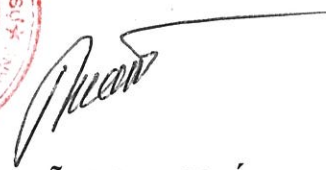
	sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)			
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0		
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0		
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0		
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0		
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0		
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0		
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0		
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0		
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0		
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0		
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0		
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0		
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0		
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0		
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0		
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá			
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá			
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá			
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0		

2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0		
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)			
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành			
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành			
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0		
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0		
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)			
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc			
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc			
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0		
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0		
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0		
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề			
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo			
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0		
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm			
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm			
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên			
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0		
6.1	01 đấu giá viên			
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên			
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0		
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công	4,0		

	ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân			
7.1	Dưới 05 năm			
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm			
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0		
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0		
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên			
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0		
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0		
9.1	Dưới 50 triệu đồng			
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng			
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0		
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	3,0		
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá			
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0		
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.			
4.	Tiêu chí khác			
	Tổng	95		

Nơi nhận:

- Đường sù;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Trang Thông tin điện tử THADS;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Lưu: HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**

Nguyễn Ngọc Tuấn